

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **115/2024/HS-PT**

Ngày: 12-7-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Lịnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Quang

Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 141/2023/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Phan Văn P, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 105/2023/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: **Phan Văn P**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1955 tại huyện T, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Con ông Phan Thế N(L) đã chết và bà Nguyễn Thị S(Sáng); có vợ là Đinh Thị T, sinh năm 1957 và 06 người con, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam: không (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Đỗ Đức N1** và Luật sư **Bùi Thị Kim L1** - Văn phòng L2 và Cộng sự thuộc đoàn luật sư thành phố H (Luật sư N1 có mặt; Luật sư L1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16/02/2012 và ngày 03/7/2012, Ủy ban nhân dân huyện P (nay là thành phố P), tỉnh Kiên Giang ban hành quyết định về việc cưỡng chế thi hành

quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Đinh Thị T và Phan Thị T1 tại Tiểu khu H, phân khu phục hồi sinh thái rừng đặc dụng Vườn quốc gia P, thuộc ấp D, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 29/8/2013, Công an huyện P ban hành kế hoạch, thời gian thực hiện việc bảo vệ cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 06/9/2013. Vào khoảng 07 giờ 40 phút, ngày 06/9/2013, Công an huyện P phân công lực lượng tham gia bảo vệ cưỡng chế gồm có 07 người, bố trí 01 phương tiện xe ô tô đặc chủng biển kiểm soát 68C - 0926 chở lực lượng đến địa điểm để bảo vệ cưỡng chế. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Phan Văn P (chồng của bà T) đi bộ đến nhà của Nguyễn Thị Kiều T2 địa chỉ cùng ấp, mua 02 lít xăng đựng trong 02 bọc nylon rồi mang đến chỗ xe ô tô biển kiểm soát 68C - 0926 đang đậu, P ném 02 bịch xăng vào xe rồi dùng bật lửa (quẹt gas) đốt cháy xe gây thiệt hại phần đầu và bên trong xe, thì bị Công an huyện P bắt giữ. Ngày 28/10/2013, Phan Văn P bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện P khởi tố, cầm đi khỏi nơi cư trú để điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI, loại xe chở phạm, màu sơn xanh, biển kiểm soát 68C-0926, bị hư hỏng không hoạt động được do bị đốt cháy, xe đã qua sử dụng;

- Đối với bật lửa sau khi thực hiện hành vi bị can ném vào xe ô tô, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được.

Kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐG ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự kết luận giá trị tài sản tại thời điểm tháng 9/2023, như sau:

- 01 cái vỏ xe phía trước bên trái, loại vỏ 7.50 – 15 YOKOHAMA, trị giá 3.300.000đ; 02 bình ắc quy 70NO, trị giá 3.400.000đ; 02 sợi dây cáp bình ắc quy, trị giá 500.000đ; 01 cái tay nắm đấm cửa ngoài bên trái, trị giá 1.300.000đ; 01 cái tay quay kính bên trái, trị giá 450.000đ; 01 bộ gon hơi kính cửa bên trái, trị giá 2.850.000đ; 01 cái ron khung kính cửa bên trái, trị giá 3.450.000đ; 01 cái ron kính cửa cabin bên trái, trị giá 2.100.000đ; 02 cái ron kính thùng sau, trị giá 600.000đ; 01 cái đèn nhan hông cửa bên trái, trị giá 3.100.000đ; 01 cái tấm kính sau cabin 27cm x 64cm, trị giá 700.000đ; 03 cái tấm kính thùng sau (27cm x 55cm x 1 cái; 42cm x 38cm x 2 cái), trị giá 2.100.000đ; 01 cái bộ E gió, trị giá 6.200.000đ; 01 bộ bộ E trên, trị giá 1.500.000đ; 01 bộ ống bộ E dưới, trị giá 1.400.000đ; 01 cái lọc gió, trị giá 1.200.000đ; 04 cục C gió, trị giá 1.600.000đ; 04 cục cao su phụộc bên trái, trị giá 720.000đ; 01 cái dè nhựa bên trái, trị giá 1.750.000đ; 02 cái tấm chắn bùn máy, trị giá 3.800.000đ; 01 cái tấm chắn bùn vò, trị giá 1.700.000đ; 01 cái cách nhiệt cabin, trị giá 1.200.000đ; 01 cái nắp che trên bình ắc quy, trị giá 600.000đ; 01 cái ống nước máy, trị giá 900.000đ; 01 cái chụp gió quạt máy, trị giá 800.000đ; 01 cái quạt máy, trị giá 1.800.000đ; 01 cái ống nhựa ngoài cửa bên trái, trị giá 1.750.000đ; 01 cái ống thẳng trước bên trái, trị giá 2.500.000đ; 04 cái cổ rê, trị giá 280.000đ; 03 sợi dây cuaroa máy, trị giá 750.000đ; 01 tấm nhôm mặt trước thùng, kích thước 1m x 1,7m, trị giá

1.200.000đ; 01 tấm nhôm hông bên trái, kích thước 1,2m x 1,5m, trị giá 1.400.000đ. Tổng cộng trị giá: 56.900.000đ.

- Tiền sơn cabin - sơn hông thùng trái 6.700.000đ và tiền công thợ 1.560.000đ.

Tổng cộng: 65.160.000đ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 105/2023/HS-ST, ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn P phạm tội “*Hủy hoại tài sản*”.

Áp dụng điểm b, d, e khoản 2 Điều 178; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn P02 (Hai) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo vào chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Phan Văn P phải bồi thường cho Công an thành phố P65.160.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/8/2023, bị cáo Phan Văn P có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu xem xét xác định lại giá trị tài sản bị thiệt hại cho đúng thực tế vì tài sản bị hủy hoại đã qua sử dụng, đồng ý bồi thường theo thiệt hại thực tế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phan Văn P có ý kiến thừa nhận bản thân đã thực hiện hành vi như cấp sơ thẩm truy tố, xét xử; giữ nguyên nội dung kháng cáo nêu trên; sau khi xét xử sơ thẩm đã nộp vào Chi cục Thi hành án thành phố Phú Quốc 45.000.000đ; đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại 20.000.000đ đúng theo yêu cầu của bị hại, phần nộp thừa yêu cầu được nhận lại.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến:

+ Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Văn P, sửa bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Văn P 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo P bồi thường cho bị hại 20.000.000đ đúng theo yêu cầu của bị hại. Bị cáo P đã tạm nộp vào Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc tổng cộng 45.000.000đ nên hoàn trả lại cho bị cáo 25.000.000đ.

-Người bào chữa cho bị cáo P(Luật sư Đỗ Đức N1) có ý kiến: Đề nghị xử bị cáo theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự; ngoài các tình tiết giảm nhẹ đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng, đề nghị áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Từ đó đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử bị cáo mức án thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Ngày 06/9/2013, Công an huyện P dùng xe ô tô đặc chủng biển kiểm soát 68C - 0926 đưa lực lượng đến làm nhiệm vụ bảo vệ cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang đối với bà Đinh Thị T3, thì Phan Văn P (chồng của bà T3) dùng xăng đốt cháy chiếc xe trên của Công an huyện P. Theo kết luận định giá, tài sản bị thiệt hại là 56.900.000đ. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử và kết án Phan Văn P về tội hủy hoại tài sản theo khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định.

Tuy nhiên, từ chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy cấp sơ thẩm xác định hành vi của bị cáo Phạm vào điểm a khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự là không phù hợp với thực tế tài sản bị thiệt hại, bởi lẽ: Tính đến ngày bị cáo P thực hiện hành vi gây thiệt hại (ngày 6/9/2013) thì chiếc xe ô tô của bị hại đã qua thời gian sử dụng hơn 5 năm (bút lục 86), nhưng kết luận định giá lại xác định theo tài sản mới và thiệt hại 100% bằng 56.900.000đ, không trừ % hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước theo quy định pháp luật có hiệu lực ở thời điểm đó (Quyết định 32/2008/QĐ-BTC ngày 29/5/2008 của Bộ T4) là không đúng quy định, không thể hiện chính xác giá trị tài sản bị thiệt hại. Chính vì vậy, trên cơ sở đề nghị của Tòa án cấp phúc thẩm, ngày 30/5/2024 Phòng Tài chính Kế hoạch thành phố Plà cơ quan có lãnh đạo được phân công làm Chủ tịch Hội đồng định giá có văn bản xác định lại chiếc xe ô tô nêu trên tính hao mòn đã 60%, tổng giá trị tài sản theo kết luận định giá ngày 23/9/2013, nếu trừ hao mòn theo quy định thì giá trị còn lại là 22.760.000đ. Mặt khác, ngày 10/10/2023 bị hại là Công an thành phố P có văn bản thể hiện ý kiến chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 20.000.000đ. Từ đó cho thấy, thực tế tài sản bị cáo gây thiệt hại có giá trị dưới 50.000.000đ, nên hành vi của bị cáo không phạm vào điểm a khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự.

Mặc dù tài sản bị cáo gây thiệt hại dưới 50.000.000đ, nhưng bị cáo dùng xăng để đốt xe của bị hại đang sử dụng làm phương tiện thực hiện công vụ là thuộc trường hợp dùng chất nguy hiểm về cháy và vì lý do công vụ của bị hại, nên hành vi của bị cáo phạm vào điểm d và điểm e khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Về phần xin giảm hình phạt: Với hành vi phạm tội của bị cáo như trên và tình tiết giảm nhẹ được hưởng ở thời điểm xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 2 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội. Tuy nhiên, đến khi xét xử phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp vào cơ quan thi hành án dân sự để bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại; là người cao tuổi (đã 69 tuổi), sức khỏe yếu và hiện đang mắc bệnh ung thư vòm hầu; bản thân là người có công với Cách mạng (trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ được hưởng chế độ trợ cấp một lần) nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Từ đó, xét thấy có thể áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là thỏa đáng. Đồng thời cũng thấy rằng, theo hồ sơ thể hiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 06/9/2013, bị khởi tố ngày 28/10/2013, ngày 24/02/2014 thì vụ án được tạm đình chỉ do bị cáo bị bệnh ung thư phải điều trị tại Bệnh viện không làm việc được, đến ngày 08/5/2023 vụ án mới được phục hồi là đã 10 năm. Trong thời gian này, bị cáo vẫn cư trú sinh sống tại địa phương và không có hành vi vi phạm pháp luật nào khác. Qua đó chứng tỏ bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, có ý thức tu sửa bản thân, chấp hành nghiêm quy định pháp luật nên không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà giao cho chính quyền địa phương tiếp tục giám sát, giáo dục một thời gian cũng đảm bảo.

[3.2] Về phần yêu cầu xem xét lại giá trị tài sản bị thiệt hại: Như trên đã nêu, tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi gây thiệt hại thì chiếc xe của bị hại đã qua thời gian sử dụng hơn 5 năm, nhưng kết luận định giá lại xác định theo tài sản mới và thiệt hại 100%, không trừ % hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước theo quy định pháp luật có hiệu lực ở thời điểm đó là không đúng quy định, không thể hiện chính xác giá trị tài sản bị thiệt hại. Cấp sơ thẩm căn cứ vào kết luận định giá này để buộc bị cáo bồi thường là không phù hợp. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị hại là Công an thành phố P có văn bản yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại 20.000.000đ, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đồng ý bồi thường 20.000.000đ theo yêu cầu của bị hại. Thấy rằng, yêu cầu bồi thường của bị hại là phù hợp với thiệt hại thực tế mà cơ quan có lãnh đạo được phân công làm Chủ tịch Hội đồng định giá đã xác định lại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại 20.000.000đ như yêu cầu của bị hại đưa ra. Bị cáo đã tạm nộp vào Chi cục Thành án dân sự thành phố P tổng cộng 45.000.000đ, nên được nhận lại phần nộp thừa.

[4] Xét ý kiến đề nghị của người bào chữa cho bị cáo: Như đã phân tích trên, hành vi của bị cáo phạm vào điểm d và điểm e khoản 2 Điều 178 Bộ luật hình sự, có khung hình phạt từ 2 năm đến 7 năm tù là tội nghiêm trọng, nên người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không đúng quy định, không có cơ sở để chấp nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm một phần hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo; quyết định lại phần bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại và ý kiến đồng ý của bị cáo ở giai đoạn xét xử phúc thẩm như nêu trên.

Việc sửa bản án sơ thẩm là do bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới và ý kiến yêu cầu bồi thường của bị hại ở cấp phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không sai, không có lỗi.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Văn P, sửa bản án sơ thẩm số: 105/2023/HS-ST, ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 178; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phan Văn P01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 12/7/2024).

Giao bị cáo Phan Văn P cho Ủy ban nhân dân xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo P có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Phan Văn P bồi thường cho Công an thành phố P, tỉnh Kiên Giang **20.000.000đ**(Hai mươi triệu đồng). Bị cáo P đã tạm nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tổng cộng 45.000.000đ theo biên lai thu tiền số 0007730 ngày 22/8/2023 và số 0009337 ngày 08/11/2023. Công an thành phố P, tỉnh Kiên Giang liên hệ với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để nhận 20.000.000đ bị cáo P bồi thường, từ số tiền bị cáo P đã tạm nộp nêu trên; Trả lại cho bị cáo Phan Văn P 25.000.000đ đã tạm nộp thừa.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 105/2023/HS-ST, ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1); **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);

- TAND Cấp cao tại Tp. HCM (1);

- VKSND tỉnh KG (1);

- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);

- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);

- Bị cáo (1);

- Bị hại (1);

- CQĐT TP PQ (1)

- VKS TP PQ (1)

- Tòa án TP PQ (1) **Võ Văn Linh**

- THHSTP PQ (1)

- Chi cục THADSTP PQ (1)

- Tổ hành chính tư pháp (1);

- Đường sự (1)

- Lưu hồ sơ (1);

- Lưu tòa hình sự (5).